TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/DS-ST
Ngày 09 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nhi

Ông Hà Trọng Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh - là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **P V C**, sinh năm: 1962; CCCD số: 096082004400, cấp ngày 05/9/2022.

Địa chỉ cư trú: Số 02 đường Tạ An Khương, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau (nay là phường Tân Thành), tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **N H P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ thường trú: Ấp Cá R, xã T H, huyện C N tỉnh C M.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã L, thành phố CM. (vắng mặt)

Bà **T Bí L**, sinh ngày: 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, thành phố C M, tỉnh CM. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn - ông P V C trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông N H P và bà T Bí L có vay của ông số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/11/2019, ông P vay của ông số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời gian vay 02 tháng.

Lần 2: Ngày 21/4/2020, bà L vay của ông số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời gian vay 02 tháng.

Lần thứ 3: Ngày 04/5/2020, ông P vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời gian vay 02 tháng.

Lần thứ 4: Ngày 10/6/2020, bà L vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời gian vay 02 tháng.

Trong thời gian vay ông P, bà L đã đóng lãi cho ông tổng số tiền là 131.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 21/10/2020, ông P trả lãi 01 tháng với lãi suất 4%/tháng đối với số tiền vốn 400.000.000 đồng là 16.000.000 đồng.

Ngày 12/12/2020, ông P trả lãi số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2021, ông P trả lãi số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2021, ông P trả lãi số tiền 15.000.000 đồng.

Tháng 6/2023, ông P thỏa thuận bán xe 69C-056.76 cho ông để cấn trừ số tiền lãi 80.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông N H P và bà T Bí L phải thanh toán cho ông số tiền 664.080.000 đồng, trong đó tiền vay vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 264.080.000 đồng.

* *Đối với ông N H P và bà T Bí L*: Trong quá trình giải quyết vụ án ông P và bà L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi cho cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ ông N H P và bà T Bí L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng ông P và bà L vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 400.000.000 đồng và lãi phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa ông P V C với ông N H P, bà T Bí L là thực tế có xảy ra. Bởi lẽ tại các biên nhận vay tiền đã thể hiện: Ngày 18/11/2019, ông P có mượn số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 21/4/2020, bà L có hỏi số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 04/5/2020, ông P có mượn số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 10/6/2020, bà L có nhận số tiền

100.000.000 đồng. Các biên nhận này do ông P và bà L ký. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng ông P, bà L không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Tại các biên nhận đều thể hiện ông P, bà L là người trực tiếp ký vào biên nhận nợ và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông P, bà L đã thanh toán cho ông Chinh. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hiện nay ông P, bà L còn nợ và phải thanh toán cho ông Chinh số tiền vốn là 400.000.000 đồng.

[3.1] Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định quá trình vay lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 4%/ tháng, từ khi vay đến nay bị đơn đã thanh toán lãi với tổng số tiền là 51.000.000 đồng và đối trừ tiền số tiền lãi 80.000.000 đồng từ việc mua bán xe ô tô tải biển số 69C-056.76 của ông N H P. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Chinh xác định xe ô tô tải biển số 69C-056.76 không phải của ông P mà là tài sản Công ty do ông P là đại diện theo pháp luật. Đồng thời, hiện nay các đương sự chưa hoàn thành hồ sơ mua bán xe nên ông yêu cầu tách phần này ra, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn xác định lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng nhưng nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó tại các biên nhận đều thể hiện giao dịch của các đương sự là mượn tiền, không có quy định về lãi. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án xem xét điều chỉnh lãi, yêu cầu bị đơn thanh toán lãi 1,66%/tháng là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, cụ thể: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"*. Theo khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Do đó, đối với yêu cầu về việc trả lãi, căn cứ theo quy định pháp luật thì lãi suất được chấp nhận là 0,83%/tháng được tính cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/11/2019 đến ngày 09/9/2025 = 05 năm 09 tháng 21 ngày: 100.000.000 đồng x 0.83% x 69 tháng 21 ngày = 57.780.000 đồng.

Lần 2: Ngày 21/4/2020 đến ngày 09/9/2025 = 05 năm 05 tháng 18 ngày: 100.000.000 đồng x 0,83% x 65 tháng 18 ngày = 54.447.000 đồng.

Lần 3: Ngày 04/5/2020 đến ngày 09/9/2025 = 05 năm 04 tháng 05 ngày: 100.000.000 đồng x 0.83% x 64 tháng 05 ngày = 53.258.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/6/2020 đến ngày 09/9/2025 = 05 năm 02 tháng 29 ngày: 100.000.000 đồng x 0.83% x 62 tháng 29 ngày = 52.262.000 đồng.

Tổng tiền lãi được chấp nhận là: 217.747.000 đồng, sau khi đối trừ số tiền bị đơn đã trả trước là 51.000.000 đồng, bị đơn còn phải trả tiền lãi là 166.747.000 đồng.

[3.2] Đối với số tiền 80.000.000 đồng, nguyên đơn xác định bị đơn giao xe ô tô tải biển số 69C-056.76 cho nguyên đơn đi bán và cấn trừ 80.000.000 đồng tiền lãi nhưng hiện không có tải liệu, chứng cứ chứng minh việc giao dịch mua bán xe. Đồng thời, nguyên đơn xác định giao dịch chưa được thực hiện theo quy định và các đương sự chưa tranh chấp về thỏa thuận này nên không thể xác định đây là nguồn tiền đã thanh toán lãi nên ông Chinh yêu cầu tách ra là phù hợp, sau này nếu các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N H P và bà T Bí L phải thanh toán cho ông P V C số tiền 566.747.000 đồng, trong đó tiền vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 166.747.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải chịu phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 351, 357, 424, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P V C.

Buộc ông N H P và bà T Bí L phải thanh toán cho ông P V C số tiền 566.747.000 đồng.

Kể từ ngày ông P V C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N H P và bà T Bí L không thanh toán xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N H P và bà T Bí L phải nộp số tiền 26.669.800 đồng (chưa nộp). Ông P V C được miễn án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Trúc